

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22/01/2026
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bình;
2. Ông Nguyễn Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Đức Quang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bàn Thị H**, tên gọi khác **Bàn Thị H1**, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Đặng Phúc L**, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Bàn Thị H trình bày:

Về hôn nhân, bà Bàn Thị H và ông Đặng Phúc L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/10/2002. Khi đi đăng ký kết hôn bà H mang theo sổ hộ khẩu, trong sổ hộ khẩu ghi tên Bàn Thị H1, do vậy trong trích lục kết hôn ghi tên Bàn Thị H1. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng không còn nói chuyện với nhau, bà H đi làm ăn ở xa dẫn

đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại thì bà H và ông L đã sống ly thân. Nay bà H tự nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Phúc L.

Về con chung: Bà H và ông L có 03 con chung là Đặng Thị N, sinh năm 2001, Đặng Hoàng D, sinh năm 2003 và Đặng Hợi T, sinh ngày 18/12/2007. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và tự lập được, bà H không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Phúc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo, Văn bản tố tụng nhưng ông L không đến Tòa án làm việc. Ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do vậy, không có ý kiến của bị đơn ông Đặng Phúc L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bàn Thị H vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Đặng Phúc L, về con chung, bà H không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bàn Thị H (tên gọi khác Bàn Thị Hà) đối với ông Đặng Phúc L.

+ Về con chung: Bà H và ông L có 03 con chung là Đặng Thị N, sinh năm 2001, Đặng Hoàng D, sinh năm 2003 và Đặng Hợi T, sinh ngày 18/12/2007. Đến thời điểm xét xử các con chung đều đã trưởng thành, không đương sự nào có ý kiến về con chung nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện; bản phô tô căn cước đã đối chiếu bản gốc; 01 Trích lục kết hôn; 01 giấy xác nhận nơi cư trú; Bản tự trình bày; Biên bản lấy lời KH của đương sự; Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên; Bản sao bản án số 48/HSST ngày 10/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông; Bản sao Quyết định thi hành án phạt tù cho hưởng án treo số 116/2015/QĐ-CA ngày 17/12/2015; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công KH chứng cứ; Biên bản xác minh; Đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bàn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Đặng Phúc L. Đơn khởi kiện của bà Bàn Thị H phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đặng Phúc L cư trú tại thôn 8, xã L, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ H do vậy Tòa án nhân dân khu vực 8 - Gia Lai xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Bà Bàn Thị H và ông Đặng Phúc L là vợ chồng và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2002. Khi đăng ký kết hôn, bà Bàn Thị H khai tên là Bàn Thị H1, xét về nhân thân của bà Bàn Thị H trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa có cơ sở xác định bà Bàn Thị H còn có tên gọi khác là Bàn Thị H1, do vậy hôn nhân giữa bà Bàn Thị H và ông Đặng Phúc L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ và triệu tập ông L đến phiên tòa nhưng ông không tham gia. Hiện nay, H bên không còn chung sống, không cùng nhau xây dựng gia đình. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Bàn Thị H và ông Đặng Phúc L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bàn Thị H.

[3] Về con chung: Bà Bàn Thị H và ông Đặng Phúc L có ba con chung là Đặng Thị N, sinh năm 2001, Đặng Hoàng D, sinh năm 2003 và Đặng Hoi T, sinh ngày 18/12/2007. Đến thời điểm xét xử, các con chung của bà H và ông L đều đã trưởng thành và tự lập được, các đương sự không có yêu cầu gì về con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Bàn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bàn Thị H (Tên gọi khác là Bàn Thị H1).

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bàn Thị H, tên gọi khác Bàn Thị H1 được ly hôn với ông Đặng Phúc L.

2. Về án phí:

Buộc bà Bàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0003420 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà Bàn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Bàn Thị H và ông Đặng Phúc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 8 - Gia Lai;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai
(Thông qua phòng THADS khu vực 8, tỉnh Gia Lai);
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng